|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  DỰ THẢO  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

*a) Chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước*

Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã xác định: Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài.

Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 của Chính phủ đã xác định, tầm nhìn đến năm 2030: “Phát triển nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả và năng lực cạnh tranh; cải thiện và ngày càng nâng cao đời sống nông dân, xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại”.

Thực hiện Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Theo đó, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn: đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp, phát triển công nghiệp, ngành nghề dịch vụ nông thôn nhằm nâng cao hiệu quả lao động, tăng thu nhập, chất lượng đời sống người dân khu vực nông thôn.

Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

Quán triệt các chủ trương đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước với tầm nhìn 2030, 2045 về một quốc gia công nghiệp, một nền nông nghiệp hiện đại, cơ giới hóa đồng bộ sản xuất nông nghiệp có vai trò to lớn trong việc thay đổi căn bản phương thức sản xuất từ thủ công sang chủ yếu bằng máy móc và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất hàng hóa. Vì vậy, việc xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ là hết sức cần thiết, nhằm tạo cơ sở pháp lý ổn định trong suốt quá trình, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, quyền và nghĩa vụ của các đối tượng tham gia vào công cuộc cơ giới hóa nông nghiệp.

*b) Các chính sách phục vụ nông nghiệp, nông thôn mới được Chính phủ ban hành từ năm 2017, 2018 đến nay*

Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp được ban hành ngày 14/11/2013, từ đó đến nay, Chính phủ đã ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn, cụ thể:

- Nghị định số 40/2017 ngày 05/4/2017 về quản lý sản xuất, kinh doanh muối; theo đó tổ chức hộ gia đình, cá nhân đầu tư kho chứa muối, máy thiết bị sản xuất, dây chuyền máy, thiết bị chế biến muối được hỗ trợ vay vốn và lãi suất vốn vay;

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, theo đó các dự án chế biến nông, lâm thủy sản; chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp; sản xuất chế biến muối; sản phẩm từ phế, phụ phâm nông nghiệp được hỗ trợ mức tối đa 50% nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó sản xuất máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn.

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó dự án liên kết được ngân sách hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.

- Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 7/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Đối tượng, phạm vi và hỗ trợ của các chính sách trên chủ yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn, đối với máy móc, thiết bị cho sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản hầu như chưa được đề cập. Để thực hiện được đồng bộ theo chuỗi liên kết từ sản xuất cây, con giống đến nuôi trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản,chế biến nông lâm thủy sản *(gọi chung là cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp)* nhằm nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và hiệu quả sản xuất nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn cần có chính sách khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp.

**2. Hiện trạng cơ giới hóa nông nghiệp**

a) Kết quả cơ giới hóa nông nghiệp [[1]](#footnote-1):

- Trang bị động lực, số lượng, chủng loại máy, thiết bị nông nghiệp tăng nhanh, nhiều loại máy, thiết bị được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp*.* Năm 2019 so với năm 2011 số lượng máy kéo cả nước tăng khoảng 48%, máy gặt đập liên hợp tăng 79%;máy sấy nông sản tăng 29%. Đến nay, trang bị động lực bình quân trong sản xuất nông nghiệp cả nước đạt khoảng 3,3 mã lực/01ha canh tác.

- Một số khâu trong sản xuất nông nghiệp có mức tăng trưởng khá, tỷ lệ cơ giới hóa cao:

*+ Về lĩnh vực trồng trọt,* khâu làm đất (lúa đạt 95%, mía đạt trên 90%, ngô đạt 70%, chè đạt 70%, vùng rau chuyên canh đạt gần 90%), khâu chăm sóc, bảo vệ thực vật lúa và các cây trồng khác đạt khoảng 70%; khâu thu hoạch (lúa đạt 70%, chè đạt 40%)…;

*+ Về lĩnh vực chăn nuôi,* tại các trang trại quy mô lớn cơ giới hóa chuồng trại và cung cấp thức ăn, nước uống đạt trên 90%, xử lý môi trường đạt 30%; hộ chăn nuôi trâu, bò đã đầu tư máy thái cỏ đạt 60%; hộ chăn nuôi bò sữa sử dụng máy vắt sữa đạt khoảng 75%;

*+ Về lĩnh vực lâm nghiệp,* có tới 70% khối lượng công việc được làm bằng thủ công, áp dụng cơ giới hóa chỉ được thực hiện hai khâu chặt hạ và vận chuyển, còn nhiều khâu sản xuất quan trọng chiếm tỷ lệ khối lượng công việc lớn như trồng, chăm sóc và bốc xếp thì tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa đạt thấp;

*+ Về lĩnh vực thủy sản,* các máy móc cơ giới hóa đã ứng dụng gồm máy kiểm tra nhiệt độ nước, máy thu hoạch, các máy móc cho cơ sở hạ tầng ao nuôi,…. Về đánh bắt hải sản, hiện trạng tàu công suất từ 90 CV trở lên là 34.563 chiếc, tổng công suất thiết kế đạt 13.480 nghìn CV.

- Về công nghiệp chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp: Đến nay, ngành cơ khí trong nước đã sản xuất được động cơ, máy kéo công suất đến 30 mã lực (HP), chiếm trên 30% thị phần trong nước; máy liên hợp gặt lúa chiếm 15%; Cả nước hiện có 7.803 doanh nghiệp cơ khí (có 95 doanh nghiệp có vốn trên 500 tỷ đồng); gần 100 cơ sở chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp; gần 2.000 cơ sở chuyên sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành máy móc, thiết bị.

b) Về chính sách hỗ trợ cơ giới hóa nông nghiệp

- Giai đoạn 2004-2008: Từ năm 2004, Chính phủ cho phép các tỉnh hỗ trợ nông dân mua sắm máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp từ ngân sách của địa phương *(văn bản số 3095/VPCP-KTTH ngày 18 tháng 6 năm 2004 của Văn phòng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho nông dân mua máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp).* Tính đến 2008, đã có 30 tỉnh, thành phố thực hiện chính sách hỗ trợ với cơ chế cho nông dân vay 70- 80% tổng giá trị vốn vay với lãi suất ưu đãi, hoặc hỗ trợ 50- 100% lãi suất tiền vay, thời gian trả vốn vay 3 năm. Qua 8 năm thực hiện (2001-2009) đã có hàng chục nghìn máy kéo, máy nông nghiệp đến được với bà con nông dân, góp phần đẩy nhanh quá trình cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp đồng thời đã hướng dẫn và đào tạo được một bộ phận nông dân vận hành, sử dụng máy móc. Thị phần chế tạo máy kéo, máy nông nghiệp trong nước được mở rộng; chương trình thực hiện có sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp và Hội Nông dân Việt Nam.

- Giai đoạn 2009-2010: Thực hiện Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 và Quyết định số 2213/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ (chính sách kích cầu) về hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn. Thời hạn hỗ trợ lãi suất tối đa 24 tháng cho các hợp đồng tín dụng được ký kết và giải ngân từ 01/2010 đến 31/12/2010 cho các sản phẩm máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện vận chuyển phục vụ chế biến nông nghiệp. Kết quả đã cho vay theo QĐ 497 là 739 tỷ đồng trong đó 656,4 tỷ đồng mua máy móc, thiết bị cơ khí và phương tiện phục vụ sản xuất, chế biến nông nghiệp (85%); QĐ 2213 đạt 1.560,14 tỷ đồng trong đó 374,45 tỷ đồng là dư nợ cho vay với nhóm vật tư nông nghiệp. Khoảng 1.011.000 hộ gia đình và cá nhân ở khu vực nông thôn được hỗ trợ lãi suất. Năm 2009, các loại máy phục vụ làm đất tăng 65%, máy cắt lúa tăng 13% so với năm 2008.

- Giai đoạn 2010- 2020: Xác định tầm quan trọng của việc áp dụng máy móc trong sản xuất nông nghiệp, ngày 23/9/2009 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 48/NQ-CP về cơ chế chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp và cụ thể hóa bằng các Quyết định hỗ trợ nông dân mua sắm máy móc thiết bị như: Quyết định 63/2010/QĐ-TTg; Quyết định 65/2011/QĐ-TTg, trong đó có quy định mức độ nội địa hóa đối với các chủng loại máy móc được hỗ trợ là từ 60% trở lên.

Qua 02 năm triển khai thực hiện Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg, bước đầu đáp ứng được yêu cầu cấp thiết của nông dân cả nước, nhất là vùng sản xuất lúa hàng hóa ở Đồng bằng sông Cửu Long; tạo điều kiện khuyến khích, thúc đẩy các cơ sở cơ khí chế tạo máy trong nước đầu tư chiều sâu, cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu của sản xuất, như các cơ sở chế tạo máy GĐLH Phan Tấn (Đồng Tháp); Tư Sang 2 (Tiền Giang)... Đến 12/2013, tổng doanh số cho vay theo Quyết định 63 và 65 đạt 1.978 tỷ đồng cho 9.055 khách hàng.

Tuy nhiên, do máy móc chế tạo trong nước không đáp ứng đủ cả số lượng và chất lượng đối với yêu cầu của sản xuất, ngày 14/11/2013 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg) thay thế 02 Quyết định số 63 và 65 và bổ sung thêm các hạng mục được hỗ trợ. Theo đó, tổ chức cá nhân được hưởng các chính sách ưu đãi khi mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp không phân biệt máy chế tạo trong nước và nhập khẩu.

Quyết định 68/2013/QĐ-TTg đã căn bản gỡ được các nút thắt về chính sách, trong đó đáng kể nhất là nông dân, doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất 100% trong 2 năm đầu và 50% vào năm thứ 3 để đầu tư mua sắm các máy móc phục vụ canh tác và giảm tổn thất sau thu hoạch; được ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch giữa lãi suất thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp (bao gồm cả nhà xưởng); các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp.

Sau hơn 6 năm triển khai thực hiện Quyết định 68/2013/QĐ-TTg, các ngân hàng thương mại đã giải ngân hơn 11.000 tỷ đồng cho 33.350 khách hàng vay, đầu tư trên 25.000 máy móc, thiết bị các loại phục vụ sản xuất nông nghiệp;mức độ tổn thất trong nông nghiệp bước đầu được thu hẹp, tổn thất sau thu hoạch lúa từ 13 – 15% hiện xuống còn 8-10%;

c) Đánh giá chung:

Qua hơn 10 năm tổ chức triển khai thực hiện, chủ trương của Chính phủ (Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 23/9/2009 của Chính phủ) về chính sách hỗ trợ, khuyến khích về cơ giới hóa nông nghiệp đã đạt một số kết quả sau:

- Mức độ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng, nhiều loại máy móc, thiết bị được sử dụng trong nông nghiệp; nhiều khâu sản xuất có mức độ cơ giới hóa cao nhất là với sản xuất lúa nổi bật là vùng ĐBSCL, ĐBSH khâu làm đất đạt gần 100%, thu hoạch lúagần 90%,.

- Cơ giới hóa nông nghiệp đã giải quyết khâu lao động nặng nhọc, tính thời vụ khẩn trương góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của một số nông sản góp phần tạo các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu hàng đầu thế giới.

- Thúc đẩy quá trình liên kết sản xuất, hình thành các tổ chức dịch vụ ở nông thôn.Nhiều mô hình liên kết doanh nghiệp với nông dân sản xuất trên cánh đồng lớn; các dịch vụ làm đất, cấy, phun thuốc BVTV, thu hoạch, sấy khô, cho thuê kho bảo quản được hình thành đạt hiệu quả cao.

- Chính sách hỗ trợ mua máy, thiết bị nông nghiệp cũng tạo điều kiện khuyến khích các cơ sở cơ khí chế tạo máy nông nghiệp trong nước đầu tư chiều sâu, cải tiến công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, chế tạo các loại máy nông nghiệp (gặt đập liên hợp, thu gom rơm…). Tuy nhiên, khả năng cạnh tranh so với máy móc nhập khẩu còn nhiều khó khăn.

d) Hạn chế, nguyên nhân:

*- Hạn chế*

+ Chưa có chiến lược định hướng phát triển ổn định lâu dài, làm căn cứ để xây dựng các cơ chế chính sách đồng bộ, hoạch định kế hoạch phát triển cơ giới hóa nông nghiệp;

+ Chưa có các quy định cụ thể về các nội dung và tiêu chí xác định trình độ cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp;công tác an toàn lao động trong sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp; sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản;

+ Mức độ cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp một số khâu đạt cao nhưng chưa toàn diện, mới tập trung chủ yếu một số khâu như: làm đất, chăm sóc lúa, mía; thu hoạch lúa; một số khâu mức độ cơ giới hóa còn thấp như: cấy lúa, chăm sóc cây ăn quả, thu hoạch mía, cà phê. Trang bị động lực máy nông nghiệp Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực[[2]](#footnote-2) ;

+ Trình độ trang bị máy động lực còn lạc hậu, thể hiện hầu hết các máy làm đất công suất nhỏ[[3]](#footnote-3), chỉ thích hợp với quy mô hộ và đất manh mún (máy nhỏ chiếm gần 60%);

+ Cơ khí trong nước chưa đáp ứng nhu cầu máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp về chủng loại, số lượng cũng như chất lượng máy (mới đạt khoảng 33% nhu cầu sản phẩm cơ khí); máy kéo, máy gặt lúa chủ yếu của KUBOTA; YANMAR Nhật Bản; Hàn Quốc; máy phun thuốc, máy gieo hạt, máy cắt cỏ chủ yếu của Honda Nhật Bản;

+ Khả năng tiếp cận vốn vay của người dân còn hạn chế do người dân không có tài sản thế chấp. Cơ chế hỗ trợ tín đụng đầu tư phát triển cho các cơ sở chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp không hấp dẫn các cơ sở đầu tư cơ khí.

+ Quy hoạch kết cấu hạ tầng cho các vùng sản xuất nông nghiệp chưa đảm bảo cho nhu cầu phát triển cơ giới hoá, hiện đại hoá. Quy mô mảnh thửa, độ phẳng, độ dốc; hệ thống tưới tiêu, mương máng, đường giao thông nội đồng ruộng phân tán, manh mún chưa phù hợp với cơ giới hóa.

+ Chưa hình thành các tổ chức dịch vụ cơ giới hóa chuyên nghiệp, các cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa[[4]](#footnote-4) máy, thiết bị nông nghiệp.

+ Chất lượng máy, thiết bị nông nghiệp chưa được kiểm soát, người sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp chưa qua đào tạo; nguy cơ tiềm ẩn tai nạn lao động sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp cao[[5]](#footnote-5).

*- Nguyên nhân*

+ Chính sách và các giải pháp cơ giới hóa chưa đủ mạnh; trong triển khai thực hiện chưa đồng bộ, chưa được quan tâm đúng mức.

+ Quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún trong một nền nông nghiệp mà các hộ nông dân vẫn là chủ thể sản xuất chính[[6]](#footnote-6).Trong đó, ruộng đất canh tác của mỗi hộ lại chia thành các thửa ruộng với độ phân tán nhất định,rất khó để cơ giới hóa có hiệu quả.

+ Quy trình sản xuất, kỹ thuật canh tác chưa đồng bộ, có sự khác biệt khá lớn giữa các vùng miền, cây, con.

Sự khác biệt trong quy trình, tập quán, quy mô sản xuất, yêu cầu nông sinh học của các cây trồng khác nhau, ở vùng miền khác nhau có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, đặt ra những yêu cầu đa dạng rất phức tạp đối với hệ thống máy và thiết bị nông nghiệp.

+ Khả năng đầu tư của chủ thể sản xuất cho cơ giới hóa nông nghiệp còn hạn chế.

Nông dân thu nhập còn thấp, thiếu vốn để đầu tư máy móc, thiết bị nông nghiệp. Trong khi đó, máy, thiết bị dùng trong nông nghiệp là những tài sản có vốn đầu tư ban đầu lớn so với các loại vật tư đầu vào khác như giống, phân bón. Rất ít hộ nông dân có khả năng mua sắm máy móc bằng vốn tự có.

Năng suất lao động nông nghiệp thấp (NSLĐ NN bằng 38,1% NSLĐ chung của nền kinh tế).

Đối với nhiều hộ làm dịch vụ cơ khí nông nghiệp, họ chỉ có thể tự mua sắm được loại máy kéo cỡ vừa trở xuống và các máy công tác kèm theo. Còn máy kéo cỡ lớn (trên 80 HP) và các liên hợp máy phức tạp để cấy lúa, thu hoạch cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày thì cũng không đủ khả năng.

+ Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn chưa phát triển đồng bộ đáp ứng cho cơ giới hóa nông nghiệp.

Một trong những rào cản phát triển cơ giới hóa nông nghiệp là giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, hệ thống tiêu và thoát nước chưa phát triển tương ứng để tạo điều kiện thuận lợi cho di chuyển, ứng dụng máy móc nông nghiệp nhất là các máy móc làm đất cơ bản theo yêu cầu thâm canh, máy cấy nhiều hàng, các máy liên hợp thu hoạch, vận chuyển nông sản…

Nhằm đẩy mạnh cơ giới hóa trong nông nghiệp phù hợp với quy mô, trình độ sản xuất của từng vùng nhất là đối với vùng sản xuất hàng hóa tập trung, các ngành hàng có giá trị gia tăng cao theo hướng hiện đại, thông minh, hiệu quả và bền vững, cần thiết ban hành Nghị định của Chính phủ về đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp thay thế Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

**II. MỤC TIÊU CHUNG XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc lập đề nghị xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp hướng đến các mục tiêu sau đây:

- Xây dựng các quy định pháp luật về khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tính thống nhất thông qua quy định về các nội dung, tiêu chí về cơ giới hóa đồng bộ;chế biến nông sản; chính sách hỗ trợ gắn với quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của các đối tượng tham gia vào quá trình cơ giới hóa nông nghiệp.

- Khắc phục những vướng mắc từ thực tiễn triển khai thi hành các chính sách về cơ giới hóa nông nghiệp, từ đó tạo ra diện mạo mới trong sản xuất nông nghiệp thông qua (1) áp dụng đồng bộ các loại máy, thiết bị, công nghệ tiên tiến trong hầu hết các công đoạn của sản xuất; (2) đồng bộ các điều kiện thúc đẩy cơ giới hóa như: xây dựng kết cấu hạ tầng, cải tạo đồng ruộng; tổ chức sản xuất; phát triển công nghiệp phụ trợ; đào tạo nguồn nhân lực… nhằm thay đổi một cách căn bản phương thức sản xuất từ thủ công sang cơ giới với hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường cao hơn.

- Đảm bảo thống nhất, phù hợp với các chính sách khuyến khích, hỗ trợ có liên quan quy định tại Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi, Luật Thủy sản, Luật Lâm nghiệp….

**III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1: Quy định về nội dung, tiêu chí đánh giá năng lực cơ giới hóa đồng bộ và chế biến nông sản; đánh giá kết quả thực hiện cơ giới hóa đồng bộ trong nông nông nghiệp và chế biến nông sản**

a) Xác định vấn đề bất cập

Mức độ cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp một số khâu đạt cao nhưng chưa toàn diện, mới tập trung chủ yếu một số khâu như: làm đất, chăm sóc lúa, mía; thu hoạch lúa; một số khâu mức độ cơ giới hóa còn thấp như: cấy lúa, chăm sóc cây ăn quả, thu hoạch mía, cà phê. Trang bị động lực máy nông nghiệp Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực[[7]](#footnote-7). Việc đánh giá năng lực cơ giới hóa cũng như chế biến nông sản chưa có cơ sở, thống nhất, còn nhiều hạn chế, bất cập. Cần phải làm rõ nội hàm về các nội dung, tiêu chí cơ giới hóa đồng bộ, chế biến nông sản để từ đó có các chính sách phát triển phù hợp.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo cơ sở pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm tính thống nhất, kịp thời điều chỉnh các chính sách phát triển thông qua các quy định về các nội dung, tiêu chí đánh giá năng lực cơ giới hóa đồng bộ, chế biến nông sản;

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

***Giải pháp 1:*** Đưa ra các quy định cụ thể về các nội dung, tiêu chí đánh giá năng lực cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, chế biến nông sản.

***Giải pháp 2****:* Giữ nguyên hiện trạng (Nhà nước không can thiệp bằng việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật).

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

***Giải pháp 1***

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực:

Có nội dung, tiêu chí để đánh giá năng lực cơ giới hóa đồng bộ, chế biến nông sản làm cơ sở cho khuyến khích hỗ trợ mua máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp; các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, xây dựng và điều chỉnh chính sách phát triển theo từng giai đoạn trong suốt quá trình phát triển thông qua đánh giá các chỉ số về cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

+ Tiêu cực: Tăng ngân sách Nhà nước cho việc xây dựng phương pháp, nội dung, tiêu chí đánh giá trình độ cơ giới hóa; ngân sách nâng cao năng lực cho hệ thống quản lý

- Tác động về giới: Quy định mang tính kỹ thuật, không hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đến hệ thống pháp luật:

+ Tích cực: Quy định thống nhất, đồng bộ tiêu chí đánh giá năng lực cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; các tiêu chí xác định trình độ công nghệ chế biến nông sản làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện các chính sách khuyến khích đảm bảo mục tiêu cơ giới hóa trong nông nghiệp.

- Tiêu cực: Có thể có những thay đổi của chính sách mới cho phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay.

***Giải pháp 2***

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Không tốn kém thời gian, nhân lực để xây dựng và phổ biến những quy định mới cũng như thời gian tìm hiểu, áp dụng các quy định.

+ Tiêu cực: Do chưa có quy định cụ thể về các nội dung, tiêu chí đánh giá trình độ cơ giới hóa nông nghiệpvì vậy, việc đánh giá, xác định các tiêu chí còn hạn chế, bất cập không thống nhất, đồng bộ ở các địa phương và cả nước; việc áp dụng máy, thiết bị nông nghiệp ngày càng tăng thì nguy cơ tiền ẩn tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp ngày càng tăng.

- Tác động về giới: Không làm hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không có tác động do không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động về hệ thống pháp luật:

+ Tích cực: Không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

+ Tiêu cực: Nhiều chính sách, quy định về cơ giới hóa nông nghiệp không thể triển khai hoặc triển khai không hiệu quả nếu không quy định các tiêu chí đánh giá năng lực cơ giới hóa.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Dựa trên cơ sở đánh giá tác động về kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính và tác động đối với hệ thống pháp luật, Bộ Nông nghiệp và PTNT lựa chọn thực hiện theo giải pháp 1 nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản lý của nhà nước.

**2. Chính sách 2: Quy định các điều kiện về đào tạo, kiểm định, giám định an toàn kỹ thuật máy, thiết bị nông nghiệp và chế biến nông sản**

a) Xác định vấn đề bất cập

Mức độ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng, nhiều loại máy móc, thiết bị được sử dụng trong nông nghiệp. Cùng với đó nguy cơ tiềm ẩn tai nạn lao động trong sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp ngày càng cao. Vì vậy, việc quản lý, nâng cao chất lượng máy, thiết bị nông nghiệp, chế biến nông sản cần được quan tâm đúng mức. Thực tế hiện nay, chất lượng máy, thiết bị nông nghiệp chưa được kiểm soát, thả nổi; người sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp chưa qua đào tạo[[8]](#footnote-8); nguy cơ tiềm ẩn tai nạn lao động sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp cao.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo cơ sở pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm tính thống nhất, kịp thời điều chỉnh các chính sách phát triển thông qua các quy định về đào tạo, an toàn máy, thiết bị nông nghiệp và chế biến nông sản nhằm hạn chế tai nạn lao động và nâng cao hiệu quả sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp.

c) Giải pháp giải quyết vấn đề

***Giải pháp 1:*** Đưa ra các quy định cụ thể về các điều kiện về đào tạo, kiểm định, giám định máy, thiết bị nông nghiệp và chế biến nông sản.

***Giải pháp 2:*** Giữ nguyên hiện trạng (Nhà nước không can thiệp bằng việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật).

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

***Giải pháp 1***

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực:

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về kiểm soát chất lượng máy, thiết bị nông nghiệp, chế biến nông sản; người sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp.

Đưa ra các quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các loại máy, thiết bị nông nghiệp và sơ chếnông sản.

Quy định người sử dụng máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp phải được đào tạo, huấn luyện.

Các chủng loại máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản trước khi sử dụng phải được giám định bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phù hợp với qui định của Việt Nam.

Góp phần nâng cao nhận thức người sử dụng lao động và lao động trong sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp, giảm thiểu tai nạn lao động; đảm bảo an toàn cho người lao động (Nam, Nữ) khi sản xuất nông nghiệp.

+ Tiêu cực: Tăng ngân sách của nhà nước và các tổ chức, cá nhân để đáp ứng các yêu cầu về đào tạo sử dụng an toàn các máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp.

- Tác động về giới: Quy định đảm bảo quyền bình đẳng của nam, nữ; không hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tích cực: Quy định thống nhất, cụ thể yêu cầu về đào tạo người sử dụng, về giám định các máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp đảm bảo an toàn khi sử dụng, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

- Tiêu cực: Có thể có những thay đổi của chính sách mới cho phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay.

***Giải pháp 2***

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Không tốn kém thời gian, nhân lực để xây dựng và phổ biến những quy định mới cũng như thời gian tìm hiểu, áp dụng các quy định.

+ Tiêu cực: Do chưa có quy định cụ thể về các điều kiện về đào tạo, an toàn máy, thiết bị nông nghiệp và chế biến nông sản vì vậy, nguy cơ tiềm ẩn tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp ngày càng tăng.

- Tác động về giới: Không hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở đánh giá các giải pháp nêu trên, cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn Giải pháp 1 nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản lý của nhà nước.

**3. Chính sách 3: Chính sách khuyến khích hỗ trợ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp**

a) Xác định vấn đề bất cập

- Trong 10 năm trở lại đây, cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp tăng trưởng khá nhưng chưa toàn diện, mới tập trung chủ yếu một số khâu như: làm đất, chăm sóc lúa, mía; thu hoạch lúa; một số khâu mức độ cơ giới hóa còn thấp như: cấy lúa, trồng cây, thu hoạch, sơ chế bảo quản, xử lý chất thải trong chăn nuôi.

- Khả năng đầu tư máy móc sản xuất của hộ nông dân còn hạn chế, thiếu hợp tác nên hiệu quả đầu tư thấp.Đối với các hộ làm dịch vụ cơ khí nông nghiệp, họ chỉ có thể tự mua sắm được loại máy kéo cỡ vừa trở xuống và các máy công tác kèm theo. Còn máy kéo cỡ lớn (trên 80 Hp) và các liên hợp máy phức tạp để cấy lúa, thu hoạch cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày cũng gặp những khó khăn về vốn.

- Một số địa phương đã ban hành chính sách hỗ trợ bằng nguồn ngân sách của địa phương nhưng còn hạn chế (loại máy, thời gian).

- Hậu quả là năng suất lao động nông nghiệp thấp (NSLĐ NN bằng 38,1% NSLĐ chung của nền kinh tế).

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Xây dựng các chính sách cụ thể nhằm khuyến khích, đẩy mạnh ứng dụng các loại máy, thiết bị trong nông nghiệp, nâng cao mức độ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp, tiến đến cơ giới hóa đồng bộ và tự động hóa; trước hết ở các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết

***Giải pháp 1:***

***-*** Quy định cụ thể việchỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư máy móc, thiết bị sản xuất nông nghiệp theo hình thức hỗ trợ trước đầu tư: Được vay vốn tối đa 100% và hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay trong 3 năm đầu như Quyết định 68/2013/QĐ-TTg;

- Quy định cụ thể về các điều kiện hỗ trợ và nguồn lực hỗ trợ, đảm bảo tính khả thi trong thực hiện.

***Giải pháp 2:*** Không có chính sách hỗ trợ đầu tư máy, thiết bị nông nghiệp;

**d) Đánh giá tác động của các giải pháp**

***Giải pháp 1***

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực:

Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp; đồng thời huy động nguồn lực xã hội cho đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp;

Thúc đẩy hình thành các tổ chức kinh tế hợp tác, tham gia vào quá trình cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn.

Phải huy động nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước.

Năng lực chế tạo cơ khí trong nước còn hạn chế, chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất nông nghiệp cả về số lượng và chất lượng. Việc hỗ trợ cả máy do nước ngoài sản xuất phần nào chưa phát huy được nội lực. Tuy nhiên vấn đền này từng bước sẽ có điều chỉnh hợp lý.

Việc đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp giải quyết các khâu lao động nặng nhọc, khẩn trương góp phần nâng cao sức khỏe người lao động; chuyển dịch lao động ở nông thôn sang công nghiệp và dịch vụ; nâng cao tính công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

+ Tiêu cực: Tăng ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp thực hiện mục tiêu cơ giới hóa đồng bộ.

- Tác động về giới: Các chính sách không hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tích cực: Quy định thống nhất, cụ thể điều kiện, trình tự hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp đảm bảo minh bạch, công khai.

- Tiêu cực: Có thể có những thay đổi của chính sách mới cho phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay.

***Giải pháp 2***

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Không tốn kém thời gian, nhân lực để xây dựng và phổ biến những quy định mới cũng như thời gian tìm hiểu, áp dụng các quy định

+ Tiêu cực: Nhiều chính sách, quy định về cơ giới hóa nông nghiệp không thể triển khai hoặc triển khai không hiệu quả nếu không quy định cụ thể điều kiện, trình tự hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp.

- Tác động về giới: Không làm hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở đánh giá các giải pháp nêu trên, cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn Giải pháp 1 để quy định các hình thức, mức, điều kiện, thủ tục hỗ trợ nhằm khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp.

**4. Chính sách 4: Chính sách khuyến khích hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ, chuỗi sản xuất; chế biến nông sản**

a) Xác định vấn đề bất cập

- Cơ giới hóa thời gian qua mới giải quyết được một số khâu lao động nặng nhọc, cần nhiều lao động (như làm đất, gặt) và chủ yếu trong sản xuất lúa, chưa đồng bộ các khâu trong sản xuất nông nghiệp. Việc sử dụng đồng bộ các chủng loại máy móc cho các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, bất cập.

- Quy mô đồng ruộng nhỏ, chậm được cải tạo, kết cấu hạ tầng theo đó cũng không được phát triển đồng bộ. Đây là rào cản lớn nhất để đưa máy móc vào phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Người sử dụng vận hành máy nông nghiệp phần đông chưa được đào tạo, tập huấn các kiến thức cơ bản, hiệu quả sử dụng máy thấp và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn lao động.

- Các tổ chức dịch vụ sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị nông nghiệp chưa được hình thành và phát triển đáp ứng nhu cầu sử dụng máy , thiết bị nông nghiệp ngày càng cao.

Chế biến nông sản trong những năm gần đây đã góp phần làm chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu của ngành nông nghiệp và đóng góp quan trọng nâng cao kim ngạch xuất khẩu nông sản; phát triển kinh tế khu vực nông thôn và xây dựng nông thôn mới[[9]](#footnote-9). Tuy nhiên:

- Khả năng chế biến đối với một số ngành hàng còn yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu, nhất là vào cao điểm mùa vụ như rau quả, gây tổn thất sau thu hoạch.

- Tổn thất sau thu hoạch còn lớn (khoảng 10-20%) do thiếu cơ sở vật chất bảo quản đủ chất lượng.

- Sản phẩm sơ chế có giá trị gia tăng (GTGT) thấp (chiếm 70-85%), sản phẩm chế biến có GTGT cao chiếm khoảng 15-30%.

- Tổ chức liên kết sản xuất –sơ chế- chế biến và tiêu thụ còn lỏng lẻo, chưa tạo được sự gắn kết chặt chẽ giữa công nghiệp chế biến với vùng nguyên liệu.

- Chính sách huy động, phân bổ nguồn lực cho phát triển công nghiệp chế biến nông sản chưa có bước đột phá.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Chính sách khuyến khích hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ, chuỗi sản xuất; chế biến nông sản nhằm khuyến khích đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ ở các khâu khác nhau với các điều kiện đáp ứng cho cơ giới hóa như: xây dựng kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp; tổ chức sản xuất; đào tạo nguồn nhân lực… nhằm thay đổi một cách căn bản phương thức sản xuất từ thủ công sang cơ giới với hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường cao hơn.

Nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu của ngành nông nghiệp và đóng góp quan trọng nâng cao kim ngạch xuất khẩu nông sản; phát triển kinh tế khu vực nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết

***Giải pháp 1:***

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ, chuỗi sản xuất; chế biến nông sản:

+ Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp; chế biến nông sản.

+ Hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp; quy hoạch đồng ruộng; giao thông nội đồng; hệ thống tưới, tiêu; chuồng trại, nuôi trồng thủy sản,

+ Cơ sở hạ tầng nhà xưởng,trang thiết bị phục vụ đào tạo nguồn nhân lực;

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng nhà xưởng,trang thiết bị giá định, kiểm tra máy, thiết bị nông nghiệp;

***Giải pháp 2:*** Không có chính sách khuyến khích, hỗ trợ

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

***Giải pháp 1***

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực:

Trong 5 năm tới, chính sách khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp cùng với các tác động của hệ thống chính sách đồng bộ phát triển nông nghiệp, nông thôn nói chung sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của sản xuất nông nghiệp thông qua tăng năng suất, giảm tổn thất, giảm chi phí sản xuất. Chính sách cơ giới hóa đồng bộ trong chế biến nông sản sẽ đẩy nhanh tốc độ trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp, nhờ đó sản xuất nông nghiệp sẽ giảm thiểu được đáng kể tác động của biến đổi khí hậu, như né mặn, né lũ (nhờ thay đổi lịch mùa vụ, rút ngắn thời gian gieo cấy, thu hoạch…), mở rộng canh tác, tạo ra sản phẩm trong những điều kiện phi truyền thống (thực hiện được nhiều kỹ thuật canh tác mới để nuôi, trồng những nông sản mới, thay đổi cơ cấu mùa vụ…) để thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu.

Thúc đẩy phát triển chế biến nông sản mang thương hiệu Quốc gia, có công nghệ chế biến, bảo quản tiên tiến, có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới;

Thu hút doanh nghiệp đầu tư công nghệ hiện đại chế biến sâu, tạo ra giá trị gia tăng cao, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, ưu tiên cho các công nghệ chế biến, bảo quản nông sản tiên tiến và chế tạo ra những sản phẩm mới. Tác động lan tỏa cao đến các ngành hàng khác còn nhiều dư địa, tiềm năng phát triển của Việt Nam

Đẩy mạnh đầu tư hệ thống kho bảo quản nông sản và cơ sở hạ tầng logistics phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

Góp phần kiểm soát, nâng cao công tác quản lý chất lượng máy, thiết bị trong nông nghiệp.

Góp phần tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện người sử dụng máy, thiết bị dùng trong nông nghiệp nhằm đảm bảo an toàn lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Góp phần nâng cao giá trị gia tăng từ đó nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo, đến phát triển các loại hình tổ chức sản xuất, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế nông thôn.

+ Tiêu cực:

Tăng ngân sách nhà nước để hỗ trợ đầu tư.

Năng lực chế tạo cơ khí trong nước còn hạn chế, chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất nông nghiệp cả về số lượng và chất lượng. Việc hỗ trợ cả máy do nước ngoài sản xuất phần nào chưa phát huy được nội lực. Tuy nhiên vấn đền này từng bước sẽ có điều chỉnh hợp lý.

- Tác động về giới: Quy định không làm hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Bảo đảm tính hợp hợp hiến, hợp pháp.

***Giải pháp 2***

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Không tốn kém thời gian, nhân lực để xây dựng và phổ biến những quy định mới cũng như thời gian tìm hiểu, áp dụng các quy định

+ Tiêu cực: Nhiều chính sách, quy định về cơ giới hóa nông nghiệp không thể triển khai hoặc triển khai không hiệu quả nếu không quy định cụ thể cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ cơ giới hóa đồng bộ trong chế biến nông sản

- Tác động về giới: Không làm hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở đánh giá các giải pháp nêu trên, cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn giải pháp 1.

**5. Chính sách 5: Chính sách khuyến khích hỗ trợ xây dựng thí điểm trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp vùng phù hợp các liên kết vùng; đánh giá tác động và nhân rộng mô hình.**

a) Xác định vấn đề bất cập

Định hướng cơ giới hóa nông nghiệp đến năm 2030: i) Đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ gắn với tổ chức sản xuất quy mô lớn theo chuỗi giá trị nông sản; ii) Phát triển các tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp, gắn nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ vào sản xuất; thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu cơ giới hóa nông nghiệp.

Đối với các vùng miền sản xuất nông nghiệp việc hình thành các tổ chức liên kết giữa Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp trong đó nhà doanh nghiệp là nòng cốt được xem là xu thế phát triển tất yếu của nền nông nghiệp hiện đại và bền vững.

Trên thực tế, sự khác biệt trong quy trình, tập quán, quy mô sản xuất, yêu cầu nông sinh học của các cây trồng khác nhau, ở vùng miền khác nhau có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, đặt ra những yêu cầu đa dạng rất phức tạp đối với hệ thống máy và thiết bị nông nghiệp. Khả năng đầu tư của chủ thể sản xuất cho cơ giới hóa còn hạn chế. Liên kết giữa Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp trong đó nhà doanh nghiệp làm nòng cốt còn hạn chế. Vì vậy, cần xúc tiến xây dựng thí điểm các Trung tâm cơ giới hóa vùng phù hợp các Liên kết vùng; đánh giá tác động và nhân rộng mô hình

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Xây dựng thí điểm trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp vùng phù hợp các liên kết vùng nhằm khuyến khích đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ ở các địa phương trong vùng.

Hình thành chuỗi liên kết giữa Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp trong đó nhà doanh nghiệp là nòng cốt làm đầu mối thực hiện hoặc điều phối các tổ chức (dự án phát triển, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), cá nhân trong và ngoài nước nhằm thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết

***Giải pháp 1:***

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ xây dựng thí điểm trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp vùng:

+ Hỗ trợ vay vốn tối đa 100% và hỗ trợ 100% lãi suất trong 3 năm trang bị máy, thiết bị, nhà xưởng;

+ Miễn giảm 50% tiền thuê đất trong 10 năm làm mặt bằng xây dựng hạ tầng phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp;

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

+ Cơ sở hạ tầng nhà xưởng,trang thiết bị phục vụ đào tạo nguồn nhân lực;

***Giải pháp 2:*** Không có chính sách khuyến khích, hỗ trợ

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

***Giải pháp 1***

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Hình thành chuỗi liên kết giữa Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp trong đó nhà doanh nghiệp là nòng cốt làm đầu mối thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp; Huy động nguồn lực các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư.

+ Tiêu cực: Tăng ngân sách nhà nước để hỗ trợ đầu tư.

- Tác động về giới: Quy định không làm hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Bảo đảm tính hợp hợp hiến, hợp pháp.

***Giải pháp 2***

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Không tốn kém thời gian, nhân lực để xây dựng và phổ biến những quy định mới cũng như thời gian tìm hiểu, áp dụng các quy định

+ Tiêu cực: Không huy động tiềm năng vốn cũng như chuỗi liên kết giữa Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp.

- Tác động về giới: Không làm hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở đánh giá các giải pháp nêu trên, cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn giải pháp 1.

**IV. LẤY Ý KIẾN ĐỐI VỚI BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Đăng trên tải lấy ý kiến**

- Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định khuyens khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để lấy ý kiến rộng rãi.

- Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp gửi lấy ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và một số bộ, ngành và đối tượng liên quan khác để lấy ý kiến.

**2. Tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo và giải trình bằng văn bản**

Các ý kiến góp ý được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo và giải trình bằng văn bản gửi các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến theo đường công văn hoặc qua thư điện tử.

**V. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

Các Bộ, ngành, địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chính sách tại Nghị định này. Trường hợp quá trình thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này phát sinh vướng mắc, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và đề xuất Chính phủ hướng xử lý./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Văn phòng Chính phủ;  - Lưu : VT, PC, TCLN. | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Xuân Cường** |

1. Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Hội nghị trực tuyến về “Thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp” do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phú trủ trì ngày 21/2/2020; [↑](#footnote-ref-1)
2. Trang bị động lực bình quân Việt Nam đạt 2,4 HP/ha canh tác lúa (một số nước trong khu vực như: Thái Lan đạt 4 HP/ha, Hàn Quốc 10 HP/ha, Trung Quốc 8 HP/ha); [↑](#footnote-ref-2)
3. Máy kéo công suất trên 35 CV chiếm 6,5%; từ 12-35 CV chiếm 48%; dưới 12 CV chiếm 45,5%. [↑](#footnote-ref-3)
4. Đến hết 31/12/2019, cả nước 15.363 HTX nông nghiệp (trong đó: trồng trọt 5.281 HTX, Chăn nuôi 908 HTX, lâm nghiệp 152 HTX, thủy sản 898 HTX, diêm nghiệp 33 HTX, nước sạch nông thôn 114 HTX, tổng hợp 7.285 HTX trong đó có dịch vụ cơ giơi hóa; Đối với các doanh nghiệp cơ khí chế tạo, dịch vụ bán, sửa chữa, bảo hành hiện có gần 100 cơ sở chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp, 1.267 cơ sở, trên 18.000 người chuyên kinh doanh; 1.218 cơ sở gần 15.000 người chuyên sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành máy móc, thiết bị trong đó khoảng 80% là các cơ sở tư nhân cung ứng máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tính đến hết năm 2019 cả nước đã đào tạo được 2,314 triệu lao động nông thôn học nghề nông nghiệp (890.000 lao động học các ngành nghề trồng trọt, 762.300 lao động học các nghề về chăn nuôi gia súc gia cầm, 343.520 lao động học các nghề về lâm sinh, chế biến gỗ, 319.211 lao động nông thôn học nghề về thủy sản) ở trình độ sơ cấp và thường xuyên, nâng tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm từ 85% năm 2015 lên 95% năm 2019. Chất lượng nguồn nhân lực bước đầu đã được nâng lên, nông dân sau khi học nghề nông nghiệp đã áp dụng được kiến thức, kỹ năng mới vào sản xuấtgóp phần tăng năng suất, giá trị sản xuất trên một ha canh tác. Tuy nhiên, còn thiếu ngành nghề theo nhu cầu của thị trường như: canh tác nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nghề quản trị theo chuỗi giá trị, giám đốc Hợp tác xã, dịch vụ cơ giới hóa, hiện đại hóa, vận hành, sửa chữa máy, thiết bị nông nghiệp. [↑](#footnote-ref-5)
6. Theo số liệu tổng điều tra về nông thôn, nông nghiệp và thủy sản tại thời điểm 01/7/2016 cả nước có 8,5 triệu hộ nông nghiệp. Số hộ có quy mô dưới 0,2 ha/hộ chiếm gần 40%. Số hộ có quy mô dưới 1 ha/hộ chiếm tỷ lệ 88,3%. Nhóm hộ sử dụng từ 1-2 ha/hộ chiếm 7,7%. [↑](#footnote-ref-6)
7. Trang bị động lực bình quân Việt Nam đạt 2,4 HP/ha canh tác lúa (một số nước trong khu vực như: Thái Lan đạt 4 HP/ha, Hàn Quốc 10 HP/ha, Trung Quốc 8 HP/ha); [↑](#footnote-ref-7)
8. Tính đến hết năm 2019 cả nước đã đào tạo được 2,314 triệu lao động nông thôn học nghề nông nghiệp (890.000 lao động học các ngành nghề trồng trọt, 762.300 lao động học các nghề về chăn nuôi gia súc gia cầm, 343.520 lao động học các nghề về lâm sinh, chế biến gỗ, 319.211 lao động nông thôn học nghề về thủy sản) ở trình độ sơ cấp và thường xuyên, nâng tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm từ 85% năm 2015 lên 95% năm 2019. Chất lượng nguồn nhân lực bước đầu đã được nâng lên, nông dân sau khi học nghề nông nghiệp đã áp dụng được kiến thức, kỹ năng mớivào sản xuấtgóp phần tăng năng suất, giá trị sản xuất trên một ha canh tác.Tuy nhiên, còn thiếu ngành nghề theo nhu cầu của thị trường như: canh tác nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nghề quản trị theo chuỗi giá trị, giám đốc Hợp tác xã, dịch vụ cơ giới hóa, hiện đại hóa, vận hành, sửa chữa máy, thiết bị nông nghiệp. [↑](#footnote-ref-8)
9. Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Hội nghị trực tuyến về “Thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp” do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phú trủ trì ngày 21/2/2020; [↑](#footnote-ref-9)